

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DS-ST
Ngày 03 – 02 – 2023
V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Trần Chí Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 552/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Văn U, sinh năm 1989 và bà Lâm Kim S, sinh năm 1988; Cùng địa chỉ: Ấp T Ng Đ, xã Ng Ch, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Sáu; Địa chỉ: Ấp T H, xã Ng Ch, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án ông Đặng Văn U và bà Lâm Kim S trình bày:*

- Ngày 25/8/2020, ông U và bà S mở dây hội 1.000.000 đồng, có 28 thành viên với 37 chung. Bà Sáu tham gia 02 chung, trong giấy hội ghi tên “Dì 6 Hùng”. Mỗi tháng khai hai lần vào ngày 15 và 25 âm lịch hàng tháng. Đến ngày 25/12/2020, bà Sáu bỏ 320.000 đồng hót một chung với số tiền 25.160.000 đồng, đã trừ tiền hoa hồng, còn lại 32 chung hội chết với số tiền 32.000.000 đồng. Ngày 25/02/2021, bà Sáu tiếp tục bỏ số tiền 400.000 đồng hót với số tiền 23.400.000 đồng, đã trừ tiền hoa hồng, còn lại 30 chung hội chết với số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 05/6/2022 bà Sáu ngưng không đóng hội đến nay.

- Ngày 15/8/2020, mở dây hội 1.000.000 đồng, có 27 thành viên với 36

chung, bà Sáu tham gia 01 chung, trong giấy hội ghi tên “Dì 6 Hùng”, Ngày 15/4/2022, bà Sáu bỏ số tiền 355.000 đồng, trừ tiền còn 600.000 đồng thì số tiền bà Sáu hốt được là 28.365.000 đồng, đến ngày 27/5/2022 ngưng đóng hội, còn lại 17 lần với số tiền 17.000.000 đồng.

Ông U và bà S thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau:

- Đối với chung hội mở ngày 25/8/2020al, đến thời điểm hiện tại chung hội này còn 10 lần nữa mãn hội, bà Sáu ngưng đóng từ ngày 05/6/2022al nên ông U và bà S phải lấp hội cho bà Sáu đến nay đã 8 lần. Tổng hai chung hội của đây hội này phải lấp hội cho bà Sáu đến mãn hội là 18 lần x 1.000.000 đồng x 02 chung = 36.000.000 đồng

- Đối với chung hội ngày 15/8/2020al, đến thời điểm hiện tại chung hội này còn 8 lần nữa mãn hội, bà Sáu ngưng đóng từ ngày 27/5/2022al nên ông U và bà S phải lấp hội cho bà Sáu đến nay đã 8 lần. Tổng chung hội này phải lấp hội cho bà Sáu đến mãn hội là 16 lần x 1.000.000 đồng x 01 chung = 16.000.000 đồng

Tổng số tiền nợ hội của ba chung hội trong hai đây hội nêu trên là 52.000.000 đồng. Do trước đây tính nhầm số chung chết còn lại nên khởi kiện ban đầu là 79.000.000 đồng.

Sau khi ngưng đóng hội, bà Sáu có gửi số tiền 1.000.000 đồng và bà Sáu có tham gia chung hội 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 30/4/2022al, có 34 chung, sau khi khai lần đầu bỏ số tiền 700.000 đồng, bà Sáu có đóng 1.300.000 đồng, sau đó ngưng đóng đến nay đã được 7 lần, sau khi bà Sáu chỉ đóng 1 lần hội nên ông U và bà S đã S chung hội này cho người khác, nên số tiền 1.300.000 đồng bà Sáu đã đóng ông U và bà S yêu cầu đối trừ vào tiền hội đã kiện bà Sáu.

Do đó, nay ông U và bà S yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Sáu trả số 49.700.000 đồng (52.000.000 đồng – 1.000.000 đồng – 1.300.000 đồng).

** Đối với bà Nguyễn Thị Sáu:*

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Sáu biết về yêu cầu khởi kiện của ông U và bà S nhưng bà không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đặng Văn U và bà Lâm Kim S có đơn xin từ chối tham gia tố tụng và xin vắng mặt, bà Nguyễn Thị Sáu đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà S và ông U khởi kiện yêu cầu bà Sáu trả lại số tiền hội bà đã góp thay bà Sáu. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân

sự đây là tranh chấp hợp đồng dân sự cụ thể hợp đồng hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét nội dung vụ án thấy rằng: Ngày 15/8/2020 và ngày 25/8/2020 âm lịch, bà S và ông U cùng với bà Sáu có giao dịch hội với nhau theo giấy hợp đồng về việc mở hội, theo đó bà S và ông U làm chủ hội và hưởng hoa hồng, bà Sáu là hội viên. Quá trình giao dịch hội, bà S và ông U đã thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hội. Bà Sáu sau khi hốt hội lại không thực hiện nghĩa vụ góp hội cho chủ hội, bà S và ông U phải xuất tiền ra góp hội thay cho bà Sáu. Do đó, bà Sáu đã vi phạm nghĩa vụ của hội viên quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hội, biểu, phường: *“Trường hợp đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì thành viên đó có trách nhiệm đối với chủ họ như sau: 1. Hoàn trả số tiền mà chủ họ đã góp thay cho thành viên”*.

Mặc dù, hai dây hội trên chưa mãn hội, nhưng bà Sáu đã vi phạm nghĩa vụ góp hội nên buộc bà Sáu có trách nhiệm góp hội đến mãn là phù hợp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Sáu biết nhưng bà không có ý kiến hay yêu cầu gì. Do đó, yêu cầu của ông U và bà S là có cơ sở được chấp nhận. Buộc bà Sáu có nghĩa vụ trả lại cho ông U và bà S số tiền hội 49.700.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện ban đầu nguyên đơn yêu cầu 79.000.000 đồng, sau đó thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Sáu trả số tiền 49.700.000 đồng, xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban phù hợp khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Sáu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.485.000 đồng (49.700.000 đồng x 5%) tương ứng số tiền phải trả cho nguyên đơn;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 21 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hội, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Kim S và ông Đặng Văn U.

Buộc bà Nguyễn Thị Sáu trả cho bà Lâm Kim S và ông Đặng Văn U số tiền hui là 49.700.000 đồng đồng (Bốn mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong đối với tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lâm Kim S và ông Đặng Văn U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà S và ông U số tiền 1.975.000 đồng nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0013407 ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D.

Bà Nguyễn Thị Sáu phải chịu 2.485.000 đồng (hai triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng) (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc

